

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện
Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ
của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo Văn bản số 590/BVPTR-KHKT ngày 29/10/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn tại Văn bản số 54/CV-AIQN ngày 08/11/2024 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 395/TTr-SNN ngày 13/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn, với tổng diện tích là 3,26 ha, trong đó:

- Diện tích rừng trồng: 3,26 ha, thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

- Vị trí: Thuộc khoảnh 6, tiểu khu 329A, phường Trần Quang Diệu và khoảnh 3A, tiểu khu 329B, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ theo Phụ lục kèm theo.

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Văn bản số 54/CV-AIQN ngày 08/11/2024 của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Văn bản số 590/BVPTR-KHKT ngày 29/10/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ.

+ Báo cáo thuyết minh hiện trạng và bản đồ hiện trạng rừng Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai để triển khai thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
TOẠ ĐỘ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____/11/2024 của UBND tỉnh)

Tổng diện tích đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 3,26 ha, gồm 4 khu vực. Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ, cụ thể như sau:

KHU VỰC I
Diện tích 0,14 ha

| TT | Tọa độ | | TT | Tọa độ | |
|----|-----------|------------|----|-----------|------------|
| | Y | X | | Y | X |
| 1 | 598483.04 | 1524164.65 | 4 | 598462.58 | 1524088.27 |
| 2 | 598493.02 | 1524090.22 | 5 | 598463.01 | 1524113.17 |
| 3 | 598474.47 | 1524086.80 | | | |

KHU VỰC II
Diện tích 0,06 ha

| TT | Tọa độ | | TT | Tọa độ | |
|----|-----------|------------|----|-----------|------------|
| | Y | X | | Y | X |
| 1 | 598512.82 | 1523942.51 | 3 | 598498.07 | 1523892.18 |
| 2 | 598520.04 | 1523888.64 | 4 | 598499.99 | 1523908.00 |

KHU VỰC III
Diện tích 2,07 ha.

| TT | Tọa độ | | TT | Tọa độ | |
|----|-----------|------------|----|-----------|------------|
| | Y | X | | Y | X |
| 1 | 598520.28 | 1523886.83 | 11 | 598503.83 | 1523581.12 |
| 2 | 598541.21 | 1523730.70 | 12 | 598498.29 | 1523630.67 |
| 3 | 598602.22 | 1523501.87 | 13 | 598499.34 | 1523683.60 |
| 4 | 598590.22 | 1523475.29 | 14 | 598512.14 | 1523721.79 |
| 5 | 598575.68 | 1523459.52 | 15 | 598529.95 | 1523755.06 |

| | | | | | |
|----|-----------|------------|----|-----------|------------|
| 6 | 598569.89 | 1523448.32 | 16 | 598529.51 | 1523793.09 |
| 7 | 598565.57 | 1523444.06 | 17 | 598492.67 | 1523834.02 |
| 8 | 598561.52 | 1523452.79 | 18 | 598479.01 | 1523874.90 |
| 9 | 598534.73 | 1523482.26 | 19 | 598492.23 | 1523877.42 |
| 10 | 598517.70 | 1523523.40 | 20 | 598512.66 | 1523882.48 |

KHU VỰC IV
Diện tích 0,99 ha.

| TT | Tọa độ | | TT | Tọa độ | |
|----|-----------|------------|----|-----------|------------|
| | Y | X | | Y | X |
| 1 | 598834.68 | 1523167.88 | 8 | 598783.90 | 1522950.24 |
| 2 | 598810.42 | 1523145.84 | 9 | 598783.61 | 1522975.75 |
| 3 | 598815.63 | 1523009.63 | 10 | 598783.61 | 1522975.75 |
| 4 | 598789.16 | 1523003.38 | 11 | 598776.28 | 1523038.50 |
| 5 | 598817.52 | 1522960.27 | 12 | 598753.80 | 1523120.64 |
| 6 | 598818.69 | 1522929.76 | 13 | 598745.27 | 1523147.30 |
| 7 | 598793.29 | 1522928.79 | 14 | 598737.43 | 1523160.03 |